

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04-6-2021

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn, đòi lại tài sản,
tranh chấp hợp đồng mua bán, hợp
đồng vay và hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thúy;
2. Ông Trương Thanh Phong;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tham gia phiên tòa: Ông Phan Thái Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, đòi lại tài sản, tranh chấp hợp đồng mua bán, hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thái Thị S, sinh năm 1991 (Có mặt).
2. Bị đơn: Anh Trần Thanh B, sinh năm 1989 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: khóm B, phường A, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Ngô Quang Th là Luật sư của Văn phòng Luật sư Quang Thế thuộc Đoàn Luật sư Đồng Tháp (Có mặt).

Địa chỉ: 130 Lê Hồng Phong, phường A, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- 3.1 Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1950 (Có mặt);

Địa chỉ: khóm B, phường A, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3.2 Bà Lê Thị D, sinh năm 1968 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Bà Lý Thị Th, sinh năm 1976 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Bà Thái Thị Ng, sinh năm 1983 (Có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã T, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3.5. Doanh nghiệp tư nhân Kim C (Cây xăng Kim C).

Đại diện theo pháp luật ông Đoàn Minh Th, sinh năm 1969- Chủ doanh nghiệp (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3.6. Công ty TNHH một thành viên Tư Đ (Cây xăng Tư Đ).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1951 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3.7. Ông Lê Văn E, sinh năm 1970 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3.8. Bà Trần Thị Tuyết Ph, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3.9. Ông Trần Văn B, sinh năm 1984 – Đại diện Hộ kinh doanh Tư Biệt (Có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

3.10. Bà Trần Thị Bạch T, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp Th, xã Th, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

3.11. Ông Trần Chí T, sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố Hồng Ngự, Đồng Tháp.

3.12. Ngân hàng chính sách Xã hội Việt Nam.

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, Bán đảo Linh Đàm. Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th – chức vụ Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thiện H – Phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 170 -172 đường Lê Hồng Phong, khóm 4, phường An Thạnh, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3.13. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1984 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: khóm 4, phường A, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3.14. Ông Huỳnh Thanh Nh, sinh năm 1975 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã Ph, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3.15. Cửa hàng vật tư nông nghiệp Tùng Ph – Chủ cửa hàng là bà Phan Thị B, sinh năm 1966 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố Hồng Ngự, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn chị Thái Thị S trình bày:*

+ Về hôn nhân: Vào năm 2009, chị và anh Trần Thanh B được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức đám cưới, hôn nhân do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã (nay là thành phố) Hồng Ngự. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Bạch có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bị chị bắt gặp vào tháng 5/2019, qua ngày sau thì anh B bỏ nhà đi, do đó vợ chồng ly thân với nhau vào tháng 5/2019, khoảng 01 tháng sau thì anh B có về nhưng không về nhà, sau này anh B mới về năn nỉ chị tha thứ nên vợ chồng sống chung lại, nhưng đến đầu tháng 9/2019 thì vợ chồng cự cãi, chị và 03 đứa con về nhà mẹ ruột tại Tân Hội sống đến nay và chính thức không còn sống chung với anh Bạch từ tháng 9/2019 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thanh Bạch.

+ Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Thị Thùy D, sinh ngày 06/3/2010; Trần Thị Thùy L, sinh ngày 07/11/2012 và Trần Thị Tr, sinh ngày 20/4/2019, hiện 03 con chung đang sống với chị S. Chị S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng cho 03 con chung.

+ Về tài sản chung gồm có: 01 (Một) chiếc máy cày hiệu FIAT TOONT KOBOTO (nhãn phụ), mua vào ngày 12/5/2020, giá trị còn lại là 52.000.000đồng; 01 (Một) chiếc máy cày hiệu M7000DT (10479-V400), mua vào năm 2020, giá trị còn lại là 95.000.000đồng; 01 (Một) máy xới tay (không rõ nhãn hiệu), giá trị còn lại 16.500.000đồng; 01 (Một) chiếc phà gỗ mua năm 2009 và 01 (Một) máy dầu D24 đã qua sử dụng, trị giá còn lại của chiếc phà gỗ và máy dầu D24 là 15.500.000đồng; 01 (Một) chiếc xe gắn máy hiệu Exciter 125, giá trị còn lại 14.500.000đồng; 01 (Một) chiếc xe gắn máy hiệu Wave alpha biển số 66H1-178.02, giá trị còn lại 3.200.000đồng; 01 (Một) chiếc xe gắn máy Cup 50, trị giá còn lại 1.500.000đồng và số tiền 115.000.000đồng vợ chồng chị đã hùn vốn cất nhà với mẹ chồng là bà Nguyễn Thị Ph, trên phần đất diện tích đất ngang 5m x dài 13m, tại khóm An Thạnh B, phường An Lộc, thành phố Hồng Ngự, Đồng Tháp, do

bà Nguyễn Thị Ph đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà cất năm 2010, giá trị còn lại của toàn bộ căn nhà là 70% bằng 227.201.000đồng.

Tất cả những tài sản trên do anh Nguyễn Thanh B đang quản lý, sử dụng và đứng tên. Riêng căn nhà cất trên phần đất do bà Nguyễn Thị Ph đứng tên. Chị S tự nguyện thống nhất giao cho anh B toàn quyền quản lý và sử dụng toàn bộ các tài sản nêu trên, chị S không yêu cầu anh B chia đôi tổng giá trị tài sản là 99.100.000đồng với điều kiện anh Bạch đứng ra trả nợ cho tất cả các chủ nợ trong vụ án này, trừ số nợ đối với bà Lê Thị D số tiền 10.000.000đồng, bà Lý Thị Th số tiền 10.000.000đồng thì chị S tự nguyện tự chị trả nợ cho bà D và bà Th. Đối với số tiền vợ chồng chị có hùn vốn cất nhà với bà Ph là 115.000.000đồng chị không yêu cầu bà Nguyễn Thị Ph trả lại cho vợ chồng chị nữa. Chị tự nguyện rút yêu cầu đối với số tiền 115.000.000đồng này.

Riêng số tiền bán lúa cho ông Trương Trường A tổng cộng là 86.500.000đồng, chị sang đang quản lý, sử dụng 43.500.000đồng, anh B đang quản lý, sử dụng 43.000.000đồng, ai đang giữ thì người đó giữ và sử dụng, chị S không có yêu cầu, không tranh chấp gì về số tiền này.

+ Về nợ chung:

1/ Đối với số nợ của Cửa hàng vật tư nông nghiệp Tùng Ph, anh B thừa nhận và tự nguyện thống nhất trả cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp Tùng Ph số nợ mua vật tư nông nghiệp là 89.622.000đồng. Cửa hàng vật tư nông nghiệp Tùng Pg – Chủ cửa hàng là bà Phan Thị B tự nguyện rút đơn khởi kiện nên chị S đồng ý sự tự nguyện này.

2/ Đối với số nợ của bà Lê Thị D, chị S thừa nhận và tự nguyện trả cho bà D số tiền 10.000.000đồng. Bà D tự nguyện rút đơn khởi kiện nên chị Sg đồng ý sự tự nguyện này.

3/ Đối với số nợ của bà Lý Thị Th, chị S thừa nhận và tự nguyện trả cho bà Th số tiền 10.000.000đồng. Bà Th tự nguyện rút đơn khởi kiện nên chị S đồng ý sự tự nguyện này.

4/ Đối với số nợ của bà Thái Thị Ng, anh B thừa nhận và tự nguyện trả cho bà Ng02 (hai) chỉ vàng 24 kara 9T8, chị S thống nhất sự tự nguyện này của anh B.

5/ Đối với số nợ mua dầu của Doanh nghiệp tư nhân Kim C, anh B thừa nhận và tự nguyện trả cho Doanh nghiệp tư nhân Kim C số tiền 33.085.000đồng. Doanh nghiệp tư nhân Kim C tự nguyện rút đơn khởi kiện nên chị S đồng ý sự tự nguyện này.

6/ Đối với số nợ mua dầu của Công ty TNHH một thành viên Tư Đ, anh B thừa nhận và tự nguyện trả cho Công ty TNHH một thành viên Tư Đ số tiền 40.520.000đồng. Công ty TNHH một thành viên Tư Đ tự nguyện rút đơn khởi kiện nên chị S đồng ý sự tự nguyện này.

7/ Đối với số nợ thuê đất của bà Trần Thị Tuyết Ph, anh B thừa nhận và tự nguyện trả cho bà Ph số tiền là 18.000.000đồng. Chị Ph tự nguyện rút đơn khởi kiện nên chị S đồng ý sự tự nguyện này.

8/ Đối với số nợ thuê đất của ông Lê Văn E, anh B thừa nhận và tự nguyện trả cho ông Lê Văn E số tiền là 23.700.000đồng. Ông Lê Văn E tự nguyện rút đơn khởi kiện nên chị S đồng ý sự tự nguyện này.

9/ Đối với số nợ tiền cát lúa của ông Huỳnh Thanh Nh số tiền 3.520.000đồng. Ông Nh không yêu cầu, không tranh chấp gì với vợ chồng chị Sang, anh Bạch nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

10/ Đối với bà Nguyễn Thị Ng Đ nhận cầm xe, nay anh B đã chuộc lại xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

11/ Nợ tiền Ngân hàng Chính sách Xã hội thành phố Hồng Ngự với số tiền 30.000.000đồng, vay năm 2018, để chăn nuôi. Anh B thừa nhận và tự nguyện trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc 30.000.000đồng và tiền lãi từ lúc vay đến khi giải quyết xong vụ án nên chị S đồng ý sự tự nguyện này.

12/ Nợ tiền vật tư nông nghiệp của Cửa hàng vật tư nông nghiệp Tư B với số tiền 110.000.000đồng. Anh B thừa nhận và tự nguyện trả cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp Tư B số tiền 110.000.000đồng nên chị S đồng ý sự tự nguyện này.

13/ Nợ tiền mượn của ông Trần Chí T, anh B thừa nhận và tự nguyện trả cho ông T số tiền 34.000.000đồng nên chị S đồng ý sự tự nguyện này.

14/ Nợ tiền mượn của bà Trần Thị Bạch T, anh B thừa nhận và tự nguyện trả cho bà T số tiền 150.000.000đồng nên chị S đồng ý sự tự nguyện này.

- *Bị đơn anh Trần Thanh B trình bày:* Về hôn nhân: Về quan hệ hôn nhân và con chung thì anh B thống nhất như lời chị S trình bày. Nhưng thời gian ly thân là từ đầu tháng 9 năm 2019. Việc chị Sang cho rằng anh có quan hệ với người phụ nữ khác là không có, do mối quan hệ làm ăn nên anh có gặp người khác để trao đổi công việc nhưng chị S không thống nhất. Anh S cảm thấy cuộc sống không còn hạnh phúc nên anh tự nguyện thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị Thái Thị S.

+ Về con chung: Anh B tự nguyện thống nhất giao 03 người con chung cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng, anh B không cấp dưỡng cho con.

+ Về tài sản chung: Anh B thừa nhận vợ chồng anh có các tài sản chung như chị S trình bày ở trên. Hiện toàn bộ các tài sản trên anh đang trực tiếp quản lý và sử dụng. Anh B tự nguyện thống nhất nhận toàn bộ tài sản chung gồm: 01 (Một) chiếc máy cày hiệu FIAT TOONT KOBOTO (nhãn phụ), mua vào ngày 12/5/2020, giá trị còn lại là 52.000.000đồng; 01 (Một) chiếc máy cày hiệu M7000DT (10479-V400), mua vào năm 2020, giá trị còn lại là 95.000.000đồng; 01 (Một) máy xới tay (không rõ nhãn hiệu), giá trị còn lại 16.500.000đồng; 01 (Một) chiếc phà gỗ mua năm 2009 và 01 (Một) máy dầu D24 đã qua sử dụng, trị giá còn lại của chiếc phà gỗ và máy dầu D24 là 15.500.000đồng; 01 (Một) chiếc xe gắn máy hiệu Exciter 125, giá trị còn lại 14.500.000đồng; 01 (Một) chiếc xe gắn máy hiệu Wave alpha biển số 66H1-178.02, giá trị còn lại 3.200.000đồng; 01 (Một) chiếc xe gắn máy Cup 50, trị giá còn lại 1.500.000đồng; Đối với số tiền 115.000.000đồng chị Shông yêu cầu, không tranh chấp, anh cũng thống nhất không tranh chấp gì.

Riêng số tiền bán lúa cho ông Trương Trường A tổng cộng là 86.500.000đồng, chị S đang quản lý, sử dụng 43.500.000đồng, anh B đang quản lý, sử dụng 43.000.000đồng, ai đang giữ thì người đó giữ và sử dụng, anh B không có yêu cầu, không tranh chấp gì đối với số tiền này.

+ Về nợ chung:

1/ Đối với số nợ của Cửa hàng vật tư nông nghiệp Tùng Ph, anh B thừa nhận và tự nguyện thống nhất trả cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp Tùng Ph số nợ mua vật tư nông nghiệp là 89.622.000đồng. Cửa hàng vật tư nông nghiệp Tùng Ph—Chủ cửa hàng là bà Phan Thị B tự nguyện rút đơn khởi kiện nên anh B đồng ý sự tự nguyện này.

2/ Đối với số nợ của bà Lê Thị D, chị S thừa nhận và tự nguyện trả cho bà D số tiền 10.000.000đồng. Bà D tự nguyện rút đơn khởi kiện nên anh B đồng ý sự tự nguyện này.

3/ Đối với số nợ của bà Lý Thị Th, chị S thừa nhận và tự nguyện trả cho bà Th số tiền 10.000.000đồng. Bà Th tự nguyện rút đơn khởi kiện nên anh B đồng ý sự tự nguyện này.

4/ Đối với số nợ của bà Thái Thị Ng, anh B thừa nhận và tự nguyện trả cho bà Ngọc 02 (hai) chỉ vàng 24 kara 9T8 theo yêu cầu của bà Thái Thị Ng.

5/ Đối với số nợ mua dầu của Doanh nghiệp tư nhân Kim C, anh B thừa nhận và tự nguyện trả cho Doanh nghiệp tư nhân Kim C số tiền 33.085.000đồng. Doanh nghiệp tư nhân Kim C tự nguyện rút đơn khởi kiện nên anh B đồng ý sự tự nguyện này.

6/ Đối với số nợ mua dầu của Công ty TNHH một thành viên Tư Đ, anh B thừa nhận và tự nguyện trả cho Công ty TNHH một thành viên Tư Đ số tiền 40.520.000đồng. Công ty TNHH một thành viên Tư Đ tự nguyện rút đơn khởi kiện nên anh B đồng ý sự tự nguyện này.

7/ Đối với số nợ thuê đất của bà Trần Thị Tuyết Ph, anh B thừa nhận và tự nguyện trả cho bà Phượng số tiền là 18.000.000đồng. Chị Ph tự nguyện rút đơn khởi kiện nên anh B đồng ý sự tự nguyện này.

8/ Đối với số nợ thuê đất của ông Lê Văn E, anh B thừa nhận và tự nguyện trả cho ông Lê Văn E số tiền là 23.700.000đồng. Ông Lê Văn E tự nguyện rút đơn khởi kiện nên anh B đồng ý sự tự nguyện này.

9/ Đối với số nợ tiền cát lúa của ông Huỳnh Thanh Nh số tiền 3.520.000đồng. Ông Nhiều không yêu cầu, không tranh chấp gì với vợ chồng anh B, chị S nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

10/ Đối với bà Nguyễn Thị Ngọc Đ nhận cầm xe, nay anh B đã chuộc lại xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

11/ Nợ tiền Ngân hàng Chính sách Xã hội thành phố Hồng Ngự với số tiền 30.000.000đồng, vay năm 2018, để chăn nuôi. Anh B thừa nhận và tự nguyện trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc 30.000.000đồng và tiền lãi từ lúc vay đến khi giải quyết xong vụ án theo yêu cầu của Ngân hàng.

12/ Nợ tiền vật tư nông nghiệp của Cửa hàng vật tư nông nghiệp Tư B với số tiền 110.000.000đồng. Anh B thừa nhận và tự nguyện trả cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp Tư B số tiền 110.000.000đồng theo yêu cầu của Cửa hàng vật tư nông nghiệp Tư B.

13/ Nợ tiền mượn của Trần Chí T, anh B thừa nhận và tự nguyện trả cho ông T số tiền 34.000.000đồng theo yêu cầu của ông T.

14/ Nợ tiền mượn của bà Trần Thị Bạch T, anh B thừa nhận và tự nguyện trả cho bà T số tiền 150.000.000đồng theo yêu cầu của bà T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ph trình bày:* Bà thống nhất việc chị Sang không yêu cầu bà trả số tiền hùn cát nhà 115.000.000đồng, bà tự nguyện thống nhất theo sự tự nguyện thỏa thuận của chị S và anh B về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Bà thống nhất toàn bộ các tài sản mà chị S và anh B trình bày ở trên là tài sản chung của chị S và anh B, bà không yêu cầu, không tranh chấp gì trong vụ án này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH MTV) Tư Đức do ông Phạm Văn Đ làm đại diện trình bày:* Từ

tháng 8/2019 đến tháng 4/2020 anh Trần Thanh B có đến mua dầu của cây xăng Tư Đ, tiền nợ mua dầu còn thiếu là 40.520.000đồng (Bốn mươi triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng). Nay anh B tự nguyện trả toàn bộ số tiền trên cho Công ty TNHH MTV Tư Đức nên Công ty TNHH MTV Tư Đức tự nguyện rút đơn khởi kiện không yêu cầu khởi kiện anh B và chị S trong vụ án này nữa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) Kim Cúc - Chủ doanh nghiệp ông Đoàn Minh Th trình bày: Từ tháng 9/2019 đến tháng 11/2019 anh Trần Thanh B và chị Thái Thị S có đến mua dầu của DNTN Kim Cúc tiền nợ mua dầu còn thiếu 33.085.000đồng, nay anh B tự nguyện trả toàn bộ số tiền trên cho DNTN Kim Cúc nên DNTN Kim Cúc tự nguyện rút đơn khởi kiện không yêu cầu khởi kiện anh Bạch và chị S trong vụ án này nữa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị D trình bày: Vào ngày 13 tháng 6 năm 2020 bà cho vợ chồng chị S và anh B mượn số tiền 10.000.000đồng để trị bệnh cho con. Lúc mượn không có ghi biên nhận. Người trực tiếp nhận là chị S, anh B không biết vì anh B không có ở nhà. Nay chị Sang tự nguyện trả cho bà toàn bộ số tiền trên nên bà tự nguyện rút đơn khởi kiện không yêu cầu khởi kiện anh B và chị S trong vụ án này nữa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Th trình bày: Vào ngày 19/02/2020 bà cho vợ chồng chị S và anh B mượn số tiền 10.000.000đồng để chi xài trong sinh hoạt gia đình, không có viết biên nhận, anh B không có biết sau này bà mới nói với B và chị Ph là chị của anh Bạch biết. Nay chị S tự nguyện trả cho bà toàn bộ số tiền trên nên bà tự nguyện rút đơn khởi kiện không yêu cầu khởi kiện anh B và chị S trong vụ án này nữa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thái Thị Ng trình bày: Vào năm 2019 bà có cho vợ chồng chị S và anh B mượn số vàng là 02 (hai) chỉ vàng 24 kara 9T8 để trả tiền mua máy. Nay anh B tự nguyện trả cho bà toàn bộ số nợ trên nên bà tự nguyện thống nhất việc này là chỉ yêu cầu anh B trả nợ cho bà 02 (hai) chỉ vàng 24 kara 9T8, không yêu cầu tính lãi.

- Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam ông Lê Thiện H trình bày: Ngày 22/03/2018 anh Trần Thanh B có vay vốn tại Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh Đồng Tháp - Phòng giao dịch thành phố Hồng Ngự số tiền là 30.000.000 đồng, vay chương trình hộ mới thoát nghèo, theo khế ước vay vốn số 6600000712245827, hạn trả nợ cuối cùng ngày 07/03/2023. Nay anh B tự nguyện trả cho Ngân hàng toàn bộ số nợ trên gồm cả tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng nên nay Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam chỉ yêu cầu ông Trần Thanh B trả cho Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam tổng số tiền: 30.317.055 đồng. Trong đó, gốc: 30.000.000 đồng, nợ lãi: 317.055đồng (tính đến

ngày 23/12/2020) và tiếp tục tính lãi phát sinh theo khế ước vay vốn số 6600000712245827 cho đến khi anh B trả dứt nợ cho Ngân hàng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Chí T trình bày: Vào thời điểm 02 năm nay ông có cho chị Sang và anh B mượn số tiền là 34.000.000đồng để làm ruộng. Lúc mượn thì chỉ có anh B là người trực tiếp mượn. Nhưng chị S và mẹ ruột ông là bà Ph vẫn biết việc anh B mượn ông số tiền này. Lúc mượn S không biết nhưng lúc kết sổ thì chị S có biết việc này, ngoài ra thì không còn ai biết. do là anh em với nhau nên không có làm biên nhận. Nay anh B tự nguyện trả toàn bộ số tiền trên cho ông nên ông tự nguyện rút đơn khởi kiện không yêu cầu khởi kiện anh B và chị S trong vụ án này nữa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Tuyết Ph trình bày: Vào năm 2017 đến năm 2020 bà có cho chị S và anh B thuê đất bà làm cho đến nay được 03 năm. Thời gian gần đây chị S có trả cho bà tiền thuê đất là 4.000.000đồng còn lại là 20.000.000đồng. Nhưng ông b cho rằng còn nợ 18.000.000đồng (mười tám triệu đồng) thì bà cũng đồng ý 18.000.000đồng. Nay anh B tự trả cho bà toàn bộ số tiền trên nên bà tự nguyện rút đơn khởi kiện không yêu cầu khởi kiện anh B và chị S trong vụ án này nữa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Bạch T trình bày: Tháng 10 năm 2019 bà có cho chị S và anh B mượn số tiền 20.000.000đồng trả tiền mướn đất. Tháng 05 năm 2020 bà có cho mượn thêm 10.000.000đồng trả tiền chuộc xe. Tháng 07 năm 2020 bà có cho mượn thêm số tiền 150.000.000đồng để trả tiền Ngân hàng. Tổng cộng số tiền là 180.000.000đồng. Nay anh B tự trả cho bà toàn bộ số tiền trên nên bà tự nguyện rút đơn khởi kiện không yêu cầu khởi kiện anh B và chị S trong vụ án này nữa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hộ kinh doanh Tư B– Đại diện hộ kinh doanh ông Trần Văn b trình bày: Từ tháng 6/2020 đến ngày 16/12/2020 anh Trần Thanh B và chị Thái Thị S có đến mua phân bón thuốc trừ sâu của Hộ kinh doanh Tư B, tính đến nay còn thiếu số tiền 110.000.000đồng, số tiền này là do chị S và anh B nợ. Nhưng nay anh B tự nguyện trả toàn bộ số nợ trên cho Hộ kinh doanh Tư B nên nay Hộ kinh doanh Tư B chỉ yêu cầu anh Trần Thanh B trả cho Hộ kinh doanh Tư B số tiền 110.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên ông Lê Văn E trình bày: Ông có cho vợ chồng anh B và chị S thuê 12 công đất sản xuất lúa hai vụ, mỗi vụ 12.000.000đồng, hai vụ là 24.000.000đồng, nhưng ông bớt 300.000đồng, còn lại 23.700.000đồng, nay anh B thừa nhận và tự nguyện trả cho ông Lê Văn E toàn bộ số tiền là 23.700.000đồng nên ông Lê Văn E tự nguyện rút đơn khởi kiện không yêu cầu khởi kiện anh B và chị S trong vụ án này nữa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên ông Huỳnh Thanh Nh trình bày: Vợ chồng anh B và chị S có nợ tiền cất lúa của ông số tiền 3.520.000đồng. Nhưng ông Nh không yêu cầu, không tranh chấp gì với anh B và chị Strong vụ án này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên bà Nguyễn Thị Ngọc Đ trình bày: Vào ngày 03/10/2020 anh Trần Thanh B có cầm chiếc xe gắn máy hiệu Exciter 125, biển số 66H1 – 08055 cho bà với giá 8.000.000đồng, anh B có tiền nhận lại xe đúng như hợp đồng, nay bà không yêu cầu, không tranh chấp gì với vợ chồng anh B trong vụ án này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cửa hàng vật tư nông nghiệp Tùng Ph – Chủ cửa hàng là bà Phan Thị B trình bày: Cửa hàng vật tư nông nghiệp Tùng Ph có bán vật tư nông nghiệp cho chị S và anh B nhiều lần, số tiền chị S và anh B còn nợ lại cửa hàng là 89.622.000đồng. Nay anh B tự nguyện trả cho cửa hàng toàn bộ số tiền 89.622.000đồng nên Cửa hàng vật tư nông nghiệp Tùng Ph tự nguyện rút đơn khởi kiện không yêu cầu khởi kiện anh B và chị S trong vụ án này nữa.

- Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là Luật sư Ngô Quang Thế trình bày: Về hôn nhân: Do chị Thái Thị S và anh Trần Thanh B tự nguyện thuận tình ly hôn nên đề nghị công nhận sự tự nguyện này; Về con chung: Anh B tự nguyện giao 03 con chung cho chị Stiếp tục nuôi dưỡng, anh B không cấp dưỡng nên đề nghị công nhận sự tự nguyện này; Về tài sản chung: Các đương sự tự nguyện thống nhất giao toàn bộ tài sản chung cho anh B được toàn quyền quản lý, sử dụng nên đề nghị công nhận sự tự nguyện này; Về nợ chung: Các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc ai trả nợ cho ai và có một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tự nguyện rút đơn yêu cầu khởi kiện nên đề nghị công nhận sự tự nguyện này và đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan rút yêu cầu khởi kiện.

- Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị: Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 166, Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự; Điều 212, Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị Thái Thị S và anh Trần Thanh B; Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Thái Thị S và anh Trần Thanh B. Chị Thái Thị S được tiếp tục nuôi 03 con chung tên Trần Thị Thùy D, sinh ngày 06/3/2010; Trần Thị Thùy L, sinh ngày 07/11/2012 và Trần Thị Trúc T, sinh ngày 20/4/2019, chị S không yêu cầu anh B cấp dưỡng nên anh B không

phải cấp dưỡng cho con; Về tài sản chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Thái Thị S và anh Trần Thanh B. Anh Trần Thanh B được toàn quyền quản lý và sử dụng toàn bộ tài sản chung nói trên; Về nợ chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Thái Thị S, anh Trần Thanh B, bà Thái Thị Ng, ông Trần Văn b - Chủ Cửa hàng vật tư nông nghiệp Tư B và ông Lê Thiện H- Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam như sau: Anh Trần Thanh B có nghĩa vụ trả cho bà Thái Thị Ng 02 (Hai) chỉ vàng 24kara 9T8, không tính lãi; Anh Trần Thanh B có nghĩa vụ trả cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp Tư B số tiền 110.000.000đồng, không tính lãi; Anh Trần Thanh B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam số tiền 30.317.055đồng. Trong đó, tiền gốc: 30.000.000đồng và tiền lãi: 317.055đồng (tính đến ngày 23/12/2020) và tiếp tục tính lãi phát sinh theo khế ước vay vốn số 6600000712245827 cho đến khi anh B trả dứt nợ cho Ngân hàng; Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Thái Thị S đối với bà Nguyễn Thị Ph đối với số tiền 115.000.000đồng, đình chỉ yêu cầu độc lập của Cửa hàng vật tư nông nghiệp Tùng Ph, bà Lê Thị D, bà Lý Thị Th, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tư Đ, Doanh nghiệp tư nhân Kim C, bà Trần Thị Tuyết Ph, ông Lê Văn E, ông Trần Chí T, bà Trần Thị Bạch T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:* Đây là vụ kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, đòi lại tài sản, tranh chấp hợp đồng mua bán, hợp đồng vay và hợp đồng tín dụng” nên thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bà Phan Thị B, bà Lê Thị D, bà Lý Thị Th, ông Phạm Văn Đ, ông Đoàn Minh Thg, ông Lê Văn E, ông Lê Thiện H, bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, ông Huỳnh Văn Nh đều vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt đối với các đương sự này. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Thái Thị S với anh Trần Thanh B.

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh chị Thái Thị S và anh Trần Thanh B là hôn nhân hợp pháp vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Trần Thanh B tự nguyện thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị Thái Thị S nên Hội đồng xét xử xét thấy công nhận sự tự nguyện thỏa thuận tình ly hôn giữa chị Thái Thị S với anh Trần Thanh B theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Thị Thùy D, sinh ngày 06/3/2010; Trần Thị Thùy L, sinh ngày 07/11/2012 và Trần Thị Trúc Tr, sinh ngày 20/4/2019, hiện

03 con chung đang sống với chị S. Chị Thái Thị S và anh Trần Thanh B tự nguyện thỏa thuận giao 03 con chung cho chị S được tiếp tục nuôi dưỡng, chị S không yêu cầu anh B cấp dưỡng nên anh B không phải cấp dưỡng cho con. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận này của các đương sự. Chị Thái Thị S cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Trần Thanh B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Chị Thái Thị S, anh Trần Thanh B và tất cả các đương sự trong vụ án tự nguyện thỏa thuận: Thống nhất tài sản chung của chị Thái Thị S và anh Trần Thanh B gồm có: 01 (Một) chiếc máy cày hiệu FIAT TOONT KOBOTO (nhãn phụ), mua vào ngày 12/5/2020, giá trị còn lại là 52.000.000đồng; 01 (Một) chiếc máy cày hiệu M7000DT (10479-V400), mua vào năm 2020, giá trị còn lại là 95.000.000đồng; 01 (Một) máy xới tay (không rõ nhãn hiệu), giá trị còn lại 16.500.000đồng; 01 (Một) chiếc phà gỗ mua năm 2009 và 01 (Một) máy dầu D24 đã qua sử dụng, trị giá còn lại của chiếc phà gỗ và máy dầu D24 là 15.500.000đồng; 01 (Một) chiếc xe gắn máy hiệu Exciter 125, giá trị còn lại 14.500.000đồng; 01 (Một) chiếc xe gắn máy hiệu Wave alpha biển số 66H1-178.02, giá trị còn lại 3.200.000đồng; 01 (Một) chiếc xe gắn máy Cup 50, trị giá còn lại 1.500.000đồng (Tất cả các tài sản trên hiện anh Trần Thanh B đang quản lý, sử dụng). Chị Thái Thị S tự nguyện giao toàn bộ số tài sản chung nói trên cho anh Trần Thanh B được toàn quyền quản lý, sử dụng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện này của các đương sự là hoàn toàn phù hợp pháp luật.

- Về nợ chung: Xét thấy chị Thái Thị S, anh Trần Thanh B và tất cả các đương sự trong vụ án tự nguyện thỏa thuận như sau:

1. Chị Thái Thị S, anh Trần Thanh B và ông Lê Thiện H (Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam) tự nguyện thỏa thuận: Anh Trần Thanh B tự nguyện thống nhất trả cho Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam số tiền 30.317.055đồng. Trong đó, tiền gốc: 30.000.000đồng và tiền lãi: 317.055đồng (tính đến ngày 23/12/2020) và tiếp tục tính lãi phát sinh theo khế ước vay vốn số 6600000712245827 cho đến khi anh B trả dứt nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam thống nhất việc này nên chỉ yêu cầu anh Trần Thái B trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi nói trên chứ không yêu cầu chị Thái Thị S. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy công nhận sự tự nguyện thỏa thuận này của các đương sự là phù hợp theo quy định pháp luật.

2. Chị Thái Thị S, anh Trần Thanh B và ông Trần Văn B (Đại diện hộ kinh doanh Tư B) tự nguyện thỏa thuận: Anh Trần Thanh B tự nguyện thống nhất trả cho Hộ kinh doanh Tư B số tiền 110.000.000đồng (Một trăm mười triệu đồng),

không tính lãi. Hộ kinh doanh Tư B thống nhất việc này nên chỉ yêu cầu anh Trần Thái B trả nợ cho Hộ kinh doanh Tư B số tiền nói trên chứ không yêu cầu chị Thái Thị S. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy công nhận sự tự nguyện thỏa thuận này của các đương sự là phù hợp theo quy định pháp luật.

3. Chị Thái Thị S, anh Trần Thanh B và bà Thái Thị Ng tự nguyện thỏa thuận: Anh Trần Thanh B tự nguyện thống nhất trả cho bà Thái Thị Ng 02 (hai) chỉ vàng 24 kara 9T8, không tính lãi. Bà Thái Thị Ng thống nhất việc này nên chỉ yêu cầu anh Trần Thái B trả nợ cho bà số vàng nói trên chứ không yêu cầu chị Thái Thị S. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy công nhận sự tự nguyện thỏa thuận này của các đương sự là phù hợp theo quy định pháp luật.

4. Chị Thái Thị S, anh Trần Thanh B và bà Phan Thị B (Chủ Cửa hàng vật tư nông nghiệp Tùng Ph) tự nguyện thỏa thuận: Anh Trần Thanh B tự nguyện thống nhất trả cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp Tùng Ph số tiền 89.622.000đồng (Tám mươi chín triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng). Cửa hàng vật tư nông nghiệp Tùng Ph thống nhất việc này và tự nguyện rút đơn khởi kiện nên Hội đồng xét xử xét thấy đình chỉ yêu cầu độc lập của Cửa hàng vật tư nông nghiệp Tùng Ph đối với số tiền 89.622.000đồng (Tám mươi chín triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng) là phù hợp theo quy định pháp luật.

5. Chị Thái Thị S, anh Trần Thanh B và bà Lê Thị D tự nguyện thỏa thuận: Chị Thái Thị S tự nguyện thống nhất trả cho bà Lê Thị D số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng). Bà Lê Thị D thống nhất việc này và tự nguyện rút đơn khởi kiện nên Hội đồng xét xử xét thấy đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Lê Thị D đối với số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) là phù hợp theo quy định pháp luật.

6. Chị Thái Thị S, anh Trần Thanh B và bà Lý Thị Th tự nguyện thỏa thuận: Chị Thái Thị S tự nguyện thống nhất trả cho bà Lý Thị T số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng). Bà Lý Thị Th thống nhất việc này và tự nguyện rút đơn khởi kiện nên Hội đồng xét xử xét thấy đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Lý Thị T đối với số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) là phù hợp theo quy định pháp luật.

7. Chị Thái Thị S, anh Trần Thanh B và ông Đoàn Minh Th (Đại diện theo pháp luật của DNTN Kim C) tự nguyện thỏa thuận: Anh Trần Thanh B tự nguyện thống nhất trả cho Doanh nghiệp tư nhân Kim C số tiền 33.085.000đồng (Ba mươi ba triệu không trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Đại diện Doanh nghiệp tư nhân Kim C ông Đoàn Minh Th thống nhất việc này và tự nguyện rút đơn khởi kiện nên Hội đồng xét xử xét thấy đình chỉ yêu cầu độc lập của Doanh nghiệp tư nhân Kim C đối với số tiền 33.085.000đồng (Ba mươi ba triệu không trăm tám mươi lăm nghìn đồng) là phù hợp theo quy định pháp luật.

8. Chị Thái Thị S, anh Trần Thanh B và ông Phạm Văn Đ (Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Tư Đ) tự nguyện thỏa thuận: Anh Trần Thanh B tự nguyện thống nhất trả cho Công ty TNHH Một thành viên Tư Đ số tiền 40.520.000đồng (Bốn mươi triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng). Đại diện Công ty TNHH Một thành viên Tư Đ ông Phạm Văn Đ thống nhất việc này và tự nguyện rút đơn khởi kiện nên Hội đồng xét xử xét thấy đình chỉ yêu cầu độc lập của Công ty TNHH Một thành viên Tư Đ đối với số tiền 40.520.000đồng (Bốn mươi triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) là phù hợp theo quy định pháp luật.

9. Chị Thái Thị S, anh Trần Thanh B và bà Trần Thị Tuyết Ph tự nguyện thỏa thuận: Anh Trần Thanh B tự nguyện thống nhất trả cho bà Trần Thị Tuyết Ph số tiền 18.000.000đồng (Mười tám triệu đồng). Bà Trần Thị Tuyết Ph thống nhất việc này và tự nguyện rút đơn khởi kiện nên Hội đồng xét xử xét thấy đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Tuyết Ph đối với số tiền 18.000.000đồng (Mười tám triệu đồng) là phù hợp theo quy định pháp luật.

10. Chị Thái Thị S, anh Trần Thanh B và ông Lê Văn E tự nguyện thỏa thuận: Anh Trần Thanh B tự nguyện thống nhất trả cho ông Lê Văn E số tiền 23.700.000đồng (hai mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng). Ông Lê Văn E thống nhất việc này và tự nguyện rút đơn khởi kiện nên Hội đồng xét xử xét thấy đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Lê Văn E đối với số tiền 23.700.000đồng (hai mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng) là phù hợp theo quy định pháp luật.

11. Chị Thái Thị S, anh Trần Thanh B và ông Trần Chí T tự nguyện thỏa thuận: Anh Trần Thanh B tự nguyện thống nhất trả cho ông Trần Chí T số tiền 34.000.000đồng (Ba mươi bốn triệu đồng). Ông Trần Chí T thống nhất việc này và tại phiên tòa ông Trần Chí T tự nguyện rút đơn khởi kiện nên Hội đồng xét xử xét thấy đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Trần Chí T đối với số tiền 34.000.000đồng (Ba mươi bốn triệu đồng) là phù hợp theo quy định pháp luật.

12. Chị Thái Thị S, anh Trần Thanh B và bà Trần Thị B T tự nguyện thỏa thuận: Anh Trần Thanh B tự nguyện thống nhất trả cho bà Trần Thị B Tuyết số tiền 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Bà Trần Thị B T thống nhất việc này và tại phiên tòa bà Trần Thị Bạch T tự nguyện rút đơn khởi kiện nên Hội đồng xét xử xét thấy đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Bạch T đối với số tiền 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) là phù hợp theo quy định pháp luật.

13. Đối với số tiền 115.000.000đồng chị Thái Thị Scho rằng vợ chồng có hùn vốn cất nhà với bà Nguyễn Thị Ph. Nay chị Thái Thị S không yêu cầu bà Nguyễn Thị Ph trả lại cho vợ chồng chị nữa. Chị S tự nguyện rút yêu cầu đối với bà Ph về số tiền này. Hội đồng xét xử xét thấy đình chỉ yêu cầu của chị Thái Thị S

đối với số tiền 115.000.000đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng) là phù hợp theo quy định pháp luật.

14. Đối với số tiền 3.520.000đồng nợ tiền cát lúa của ông Huỳnh Thanh Nh, ông Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

15. Đối với việc anh Trần Thanh B tự cầm chiếc xe gắn máy hiệu Exciter 125, biển số 66H1 – 08055 cho bà Nguyễn Thị Ngọc Đ với số tiền 8.000.000đồng, anh B đã tự xuất tiền ra chuộc chiếc xe trên lại xong. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

16. Đối với số tiền bán lúa cho ông Trương Trường A tổng cộng là 86.500.000đồng, chị Sang đang quản lý, sử dụng 43.500.000đồng, anh B đang quản lý, sử dụng 43.000.000đồng. Chị S và anh B tự nguyện thỏa thuận phần ai đang giữ thì người đó giữ và được quyền quản lý, sử dụng. Chị S và anh B yêu cầu, không tranh chấp gì về số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư Ngô Quang Thế là có căn cứ như nhận định nêu trên nên chấp nhận.

- Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự là có căn cứ như nhận định nêu trên nên chấp nhận.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Chị Thái Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 7.863.000đồng (Bảy triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001453 ngày 19/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Hồng Ngự. Chị S được nhận lại 7.563.000đồng (Bảy triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

+ Anh Trần Thanh B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản anh B được hưởng là 9.910.000đồng.

+ Anh Trần Thanh B chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần anh B có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam là 1.516.000đồng, phần trả nợ cho Hộ kinh doanh Tư Biết là 5.500.000đồng và phần trả nợ cho bà Thái Thị Ngọc là 500.000đồng. Tổng cộng là 7.516.000đồng.

+ Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

+ Hộ kinh doanh Tư B, bà Thái Thị Ng, Cửa hàng vật tư nông nghiệp Tùng Ph, bà Lê Thị D, bà Lý Thị Th, Công ty TNHH MTV Tư Đ, DNTN Kim C, bà Trần Thị Tuyết Ph, ông Lê Văn E, ông Trần Chí T, bà Trần Thị Bạch T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí tố tụng: Do anh Trần Thanh B được hưởng toàn bộ phần tài sản chung nên anh B phải chịu tổng chi phí tố tụng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) để trả lại cho chị Thái Thị Sang đã tạm ứng trước và đã chi xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 212 và Điều 213, Điều 217, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 166, Điều 463, Điều 466, Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự; Điểm c khoản 1 Điều 11, khoản 6, 8 Điều 26, Điểm a và điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận tình ly hôn giữa chị Thái Thị S và anh Trần Thanh B.

2/ Về con chung: Chị Thái Thị S và anh Trần Thanh B tự nguyện thỏa thuận, giao 03 con chung tên Trần Thị Thùy D, sinh ngày 06/3/2010; Trần Thị Thùy L, sinh ngày 07/11/2012 và Trần Thị Trúc Tr, sinh ngày 20/4/2019 cho chị Thái Thị Sg tiếp tục nuôi dưỡng (hiện 03 con chung đang sống với chị S). Chị Thái Thị S không yêu cầu anh Trần Thanh B cấp dưỡng nên anh Bạch không phải cấp dưỡng cho con.

Chị Thái Thị S cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Trần Thanh B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về tài sản chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Thái Thị S, anh Trần Thanh B và tất cả các đương sự khác trong vụ án.

Chị Thái Thị S giao toàn bộ các tài sản chung cho anh Trần Thanh B được toàn quyền quản lý, sử dụng (hiện anh B đang quản lý sử dụng) bao gồm: 01 chiếc máy cày hiệu FIAT TOONT KOBOTO (nhãn phụ), mua vào ngày 12/5/2020, giá trị còn lại là 52.000.000đồng; 01 chiếc máy cày hiệu M7000DT (10479-V400), mua vào năm 2020, giá trị còn lại là 95.000.000đồng; 01 máy xới tay (không rõ nhãn hiệu), giá trị còn lại 16.500.000đồng; 01 chiếc phà gỗ mua năm 2009 và 01 máy dầu D24 đã qua sử dụng, trị giá còn lại của chiếc phà gỗ và máy dầu D24 là 15.500.000đồng; 01 chiếc xe gắn máy hiệu Exciter 125, biển số 66H1 – 08055, giá trị còn lại 14.500.000đồng; 01 chiếc xe gắn máy hiệu Wave alpha biển số 66H1-178.02, giá trị còn lại 3.200.000đồng; 01 chiếc xe gắn máy Cup 50, trị giá còn lại 1.500.000đồng.

4/ Về nợ chung:

- Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Thái Thị S, anh Trần Thanh B và Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam. Anh Trần Thanh B có nghĩa vụ trả cho

Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam số tiền 30.317.055đồng. Trong đó, tiền gốc: 30.000.000đồng và tiền lãi: 317.055đồng (tính đến ngày 23/12/2020) và tiếp tục tính lãi phát sinh theo khế ước vay vốn số 6600000712245827 cho đến khi anh B trả dứt nợ cho Ngân hàng.

- Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Thái Thị S, anh Trần Thanh B và Hộ kinh doanh Tư B. Anh Trần Thanh B có nghĩa vụ trả cho Hộ kinh doanh Tư B số tiền 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng).

- Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Thái Thị S, anh Trần Thanh B và bà Thái Thị Ng. Anh Trần Thanh B có nghĩa vụ trả cho bà Thái Thị Ng 02 (hai) chỉ vàng 24 kara loại 9T8, không tính lãi.

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của Cửa hàng vật tư nông nghiệp Tùng Ph đối với anh Trần Thanh B về số tiền 89.622.000đ (Tám mươi chín triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng).

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Lê Thị D đối với chị Thái Thị S về số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Lý Thị Th đối với chị Thái Thị S về số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của Doanh nghiệp tư nhân Kim C đối với anh Trần Thanh B về số tiền 33.085.000đ (Ba mươi ba triệu không trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của Công ty TNHH Một thành viên Tư Đ đối với anh Trần Thanh B về số tiền 40.520.000đ (Bốn mươi triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Tuyết Ph đối với anh Trần Thanh B về số tiền 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng).

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Lê Văn E đối với anh Trần Thanh B về số tiền 23.700.000đ (Hai mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Thái Thị S về số tiền hùn vốn cất nhà 115.000.000đ (Một trăm mười lăm nghìn đồng) đối với bà Nguyễn Thị Ph.

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Trần Chí T đối với anh Trần Thanh B về số tiền 34.000.000đ (Ba mươi bốn triệu đồng).

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Bạch T đối với anh Trần Thanh B về số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Thái Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 7.863.000đ (Bảy triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001453 ngày 19/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Hồng Ngự. Chị Thái Thị S được nhận lại 7.563.000đ (Bảy triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

- Anh Trần Thanh B phải chịu 9.910.000đ (Chín triệu chín trăm mười nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm phần tài sản chung anh B được hưởng.

- Anh Trần Thanh B phải chịu 7.516.000đ (Bảy triệu năm trăm mười sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm phần anh B trả nợ cho Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam, Hộ kinh doanh Tư B, bà Thái Thị Ng.

- Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

+ Hộ kinh doanh Tư B được nhận lại 2.750.000đ (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008815 ngày 18/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

- Bà Thái Thị Ng được nhận lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008813 ngày 17/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

- Cửa hàng vật tư nông nghiệp Tùng Ph (Chủ cửa hàng bà Phan Thị B) được nhận lại 2.241.000đ (Hai triệu hai trăm bốn mươi một nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001465 ngày 21/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Hồng Ngự.

- Bà Lê Thị D được nhận lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008811 ngày 17/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

- Bà Lý Thị Th được nhận lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008812 ngày 17/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

- Công ty TNHH MTV Tư Đ được nhận lại 1.013.000đ (Một triệu không trăm mười ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008806 ngày 15/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

- Doanh nghiệp tư nhân Kim C được nhận lại 827.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008807 ngày 15/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

- Bà Trần Thị Tuyết Ph được nhận lại 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008816 ngày 18/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

- Ông Lê Văn E được nhận lại 593.000đ (Năm trăm chín mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008808 ngày 15/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

- Ông Trần Chí T được nhận lại 875.000đ (Tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008821 ngày 22/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

- Bà Trần Thị Bạch T được nhận lại 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008822 ngày 22/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

6/ Về chi phí tố tụng: Anh Trần Thanh B chịu tổng chi phí tố tụng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) để trả lại cho chị Thái Thị Sang đã tạm ứng trước và đã chi xong. Phần chi phí tố tụng chị Thái Thị S đã tạm ứng trước còn dư thì chị S được nhận lại và đã nhận xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Sửa đổi bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Thảo